

HỆ TƯ TƯỞNG, ỨNG XỬ VÀ NHÂN CÁCH KÊ SĨ NGUYỄN CÔNG TRÚ TỪ ĐIỂM NHÌN THẾ KỶ XXI

BIỆN MINH ĐIỀN^{*)}

Nguyễn Công Trứ (1778-1859) thành “Người thái thượng”... đã 160 năm. Ít thấy trường hợp nào đảm nhận nhiều vai, hoạt động dẫn thân trên nhiều lĩnh vực (chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, văn học...), tất cả đều “hoàn danh”, “tròn phận sự” theo một kiểu thực sự độc đáo như Nguyễn Công Trứ. Đây quả là một mẫu hình nhân cách có sức hấp dẫn lớn. Một nhân cách với cá tính nổi trội, gai góc, như Nguyễn Công Trứ, một mặt khó tránh khỏi những ghét ghen, thù oán, cản trở; mặt khác lại có sức thu hút khó cưỡng, bất chấp bước đi của thời gian.

Đương thời, lắm người hâm mộ, kính phục và cũng không ít kẻ ganh ghét, đặt điều, thậm chí vu vạ cho ông. Bản thân ông cũng đã từng “lên voi, xuống chó” bao phen trên hoạn lộ. Và rồi, hậu thế bàn về ông cũng “lắm phách”, “lắm lối”... Dường như Nguyễn Công Trứ đã tiên lượng được tất cả những điều đó. Ông tự tin, thoải mái lựa chọn một thái độ sống:

Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi

Gẫm cuộc đời mà ngẫm kẻ trọc, thanh...

(Luận kẻ sĩ)

Được mất đương đương người thái thượng

Khen chê phơi phới ngọn đông phong...

(Bài ca ngất ngưỡng)

“Hỏi” hay “không hỏi”, “khen” hay “chê” (từ phía khách quan); “được”, hay “mất” (từ đánh giá của cả hai phía chủ quan khách và quan), với Nguyễn

^{*)} PGS.TS - Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh.

Công Trứ, không quan trọng (dĩ nhiên, ông không phải là loại người “phốt lờ” dư luận). Điều quan trọng, trước hết là phải tự nhận thức, thẩm định đúng bản thân mình. Bi - hài kịch lớn nhất của người đời chính là ở chỗ này. Đã hàng ngàn, hàng vạn năm qua, và hãy còn tiếp diễn, có biết bao nhiêu kẻ ngộ nhận về mình, tự lừa dối mình mà chẳng hay. Nguyễn Công Trứ hoàn toàn trái lại! Từ điểm nhìn của thế kỷ XXI hôm nay, nhìn lại Nguyễn Công Trứ của trên dưới hai trăm năm về trước, không thể không thấy sự hiện hữu bao nhiêu điều từ hệ thống tư tưởng đến hệ thống ứng xử còn nguyên giá trị được tạo nên bởi một nhân cách và bản lĩnh như thế.

Với tư cách là một “thi ông” nghĩa là một kẻ “tự do”, Nguyễn Công Trứ để lại khối di sản không lớn về số lượng nhưng lại hết sức lớn về tư tưởng. Nếu chỉ tiếp cận Nguyễn Công Trứ ở tư cách này, cũng có thể thấy: “Toàn bộ sáng tác của Nguyễn Công Trứ cho thấy, tư tưởng sáng tạo chủ đạo (hay tư tưởng nghệ thuật cơ bản) của ông xoay quanh mệnh đề *Nam nhi chí* với bao nhiêu món nợ phải trả: *Nợ cầm thư*, *Nợ công danh*, *Nợ tang bồng*, *Nợ đời*, *Nợ trần hoàn*, *Nợ nhà*, *Nợ quân thân*, *Nợ tình*, *Nợ duyên*, *Nợ thơ*, *Nợ phong lưu*.... Con người này hết sức rạch ròi, dứt khoát. Sống là *Nợ*. Mà *Nợ* thì phải trả. Trả bằng được. Trả triệt để. Để rồi *trang trắng vô tay reo*. Thế mới *hoàn danh*. Có thể nói hành trình cuộc đời, sự nghiệp cũng như hành trình sáng tác của Nguyễn Công Trứ là hành trình trả những món *Nợ* độc đáo ấy. Người trả *Nợ* không ai khác là đấng nam nhi “hữu chí” - anh hùng và tài tử”¹.

Với tư cách một “danh phận” nghĩa là phải chịu “trong vòng cương tỏa” (là quan chức, là tướng, là lính, là kẻ sĩ ăn lương nhà nước), khối di sản mà Nguyễn Công Trứ để lại (về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa), những điều có thể “mục sở thị” thì đã khá rõ, nhưng những điều khó thấy, mang tính “phi vật thể”/ tư tưởng, còn cần phải tìm hiểu, nghiên cứu, xác lập, hệ thống hóa một cách nghiêm túc, thỏa đáng. Hoàn toàn có cơ sở để nói đến tư tưởng quân sự, tư tưởng kinh tế, tư tưởng nghệ thuật... ở Nguyễn Công Trứ. Vấn đề là mức độ đậm, nhạt và nét đặc sắc của từng tư tưởng ấy trong hệ tư tưởng của con người đa năng, tự nhiên, dám dấn thân, hành động vì phận sự và cũng là vì nghĩa lớn này. “Hệ” tư tưởng Nguyễn Công Trứ đa dạng là thế, phức tạp là thế, nhưng tất cả lại rất thống nhất, thống nhất ở cốt lõi *nhân sinh, vị đời, cống hiến*; thống nhất ở tính *thực tiễn*, thống nhất giữa ý thức và hành động, giữa nói và làm, lý thuyết và thực hành; thống nhất từ nhận thức, tư tưởng đến hành vi, ứng xử trên bất cứ lĩnh vực nào.

1. Nguyễn Công Trứ nổi tiếng với hát nói (thơ ca trù) - một loại "văn chơi"/ "hành lạc" như ông từng quan niệm và "thực hành"... Có một loại văn khác - loại văn mang tính "chính thống" trực tiếp thể hiện tư duy lý luận của Nguyễn Công Trứ còn ít được chú ý. Đây là mảng văn xuôi chính luận, gồm *Thái bình thập sách* (tác giả dâng lên vua Gia Long lúc còn là "bạch diện thư sinh", 1803); *Đôi sách* (bài luận, Nguyễn Công Trứ đỗ Giải nguyên kỳ thi năm Kỷ Mão/ 1819); 96 bản *Tấu, Sớ* (dâng lên các vua nhà Nguyễn, từ 1826 đến 1843). Các tư tưởng chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, gắn với đó là hệ thống ứng xử của Nguyễn Công Trứ trên từng lĩnh vực được thể hiện rõ ở mảng văn "chính thống" này. Về *Thái bình thập sách*, sách *Đại Nam thực lục* cho biết: "Nguyễn Công Trứ, người huyện Nghi Xuân điều trần mười việc. Sai Bộ Lại duyệt kỹ để tâu". Mười việc ấy là mười kế sách như một bản cương lĩnh chính trị nhằm góp phần xây dựng một nhà nước thái bình. Về *Đôi sách*, tuy phải theo yêu cầu của đề ra ("Vấn") và phải huy động tri thức văn chương sách vở, điển cố thi, văn liệu Hán học mà luận bàn, trả lời ("Đôi") nhưng Nguyễn Công Trứ cũng đã bộc lộ rõ quan điểm tư tưởng riêng mang tính thực tiễn của mình khi luận về các vấn đề: "yêu dân", "dung dân", "thi hành nhân nghĩa giúp dân", "phát chẩn cho dân", "bảo vệ dân", "trọng dân", "lấy dân làm gốc", "trừng trị những kẻ giết oan dân thường", "khuyến khích dân chú trọng nông nghiệp", "tăng sức mạnh cho đất nước chống cự phía Tây, đối đầu phía Bắc", "cần có nhiều hiền tài đưa đất nước đến thái bình thịnh trị"... *Thái bình thập sách* và *Đôi sách* dự báo những quan điểm, tư tưởng về xây dựng nước nhà thái bình với những kế sách mang tính khả thi cao mà về sau Nguyễn Công Trứ sẽ tiếp tục bổ sung và thực thi.

Khi đã thành danh, trên nhiều cương vị khác nhau, Nguyễn Công Trứ càng có cơ hội bày tỏ quan điểm, tư tưởng của mình về nhiều lĩnh vực (qua các tấu sớ mà ông dâng lên Vua). Theo *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*², từ 1826 (Minh Mệnh thứ 7) đến 1843 (Thiệu Trị thứ 3) Nguyễn Công Trứ đã có 96 lần dâng tấu sớ lên nhà Vua, trong đó: Vua chuẩn y cho làm: 38 lần; Vua cho dụ bàn thêm, động viên, khích lệ để làm: 33 lần; Vua giao cho các bộ liên quan xem xét: 20 lần; Vua không cho làm: 5 lần. Nguyễn Công Trứ là trường hợp mà Quốc sử quán triều Nguyễn phải tốn nhiều giấy mực nhất. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi lại 35 lần Nguyễn Công Trứ dâng tấu sớ. Căn cứ vào 35 bản (35 lần dâng) tấu, sớ này, kéo theo đó là phản ứng của nhà Vua và cách hành xử, thực thi của người dâng/ tấu, cũng có thể thấy được thực chất của hệ tư tưởng và ứng xử của Nguyễn Công Trứ.

2. Nguyễn Công Trứ là nhà quân sự, liệu có thể nói đến tư tưởng quân sự của Nguyễn Công Trứ? Trong 35 lần dâng/ 35 tấu sớ mà Sách *Đại Nam thực lục chính biên* của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi lại một cách cụ thể, chi tiết, thấy Nguyễn Công Trứ bàn về việc quân sự là nhiều nhất. Các nội dung chính mà ông "tấu", gồm: Xin dời đồn Liâu Lạc đến Đột Châu (bản tấu dâng Vua, tháng 8/ 1829; Vua sai các quan bàn lại); Về việc bố phòng ở hải phận Vân Đồn, Quảng Yên (tháng 10/ 1832; Vua dụ sẽ xuống chỉ cho làm sau); Về tình hình biên chế quân đội (tháng 5/ 1833; Vua giao cho Bộ Binh bàn xét); Về những thắng lợi của quan quân ở Đại Man, Vị Xuyên (tháng 10/1833; Vua dụ khen ngợi); Về tình hình "đẹp loạn" Nông Văn Vân (tháng 12/1833; Vua dụ ban thưởng); Về tình hình đánh giặc ở Tuyên Quang (tháng 4/1834; Vua dụ động viên); Về lương thảo và nghỉ ngơi cho quân lính (tháng 4/; Vua dụ Bộ Binh bàn); Về tình hình đánh giặc ở Lục Yên (tháng 4/1834; Vua dụ cho rút quân về nghỉ ngơi); Về tình hình tác chiến (tháng 5/ 1834; Vua dụ sẽ xuống chỉ cho làm sau); Xin đem quân đến hội với Nguyễn Đình Phổ ở Thái Nguyên (tháng 7/1834; Vua dụ bàn thêm); Về tình hình giặc ở Thái Nguyên (tháng 11/1834; Vua y cho lời tâu); Về việc Hoàng Văn Vàng xin đi bắt giặc Sĩ, Thạch (tháng 5/1835; Vua y cho); Về giặc biên nhà Thanh (tháng 5/1838; Vua giao cho Bộ Binh nghị xử); Về những người Thổ ra đầu thú (tháng 11/1840; Vua dụ bàn lại); Về tình hình Nam Kỳ và Trấn Tây thành (tháng 12/1840; Vua dụ lời xin khó chuẩn cho thi hành); Về tình hình Trấn Tây (tháng 01/1841; Vua dụ sẽ có chỉ dụ sau); Về việc xin rút quân về An Giang (tháng 8/1841; Vua giao cho các quan họp bàn); Về tình hình giặc ở khu vực sông Vĩnh Tế (tháng ?/1841; Vua dụ cho quân về nghỉ ngơi)...

Nội dung tất cả các bản tấu về công tác quân sự cho thấy Nguyễn Công Trứ bao quát khá toàn diện các vấn đề: bối cảnh và tình hình chiến trận; tương quan lực lượng địch, ta; các loại giặc và cách đánh; lương thảo và sức vóc, khả năng của quân đội; vấn đề tổ chức, kỷ luật của quân đội; vấn đề bố phòng và dời đồn; vấn đề sử dụng lực lượng quân đội làm kinh tế (khẩn hoang, đắp đê, cày cấy); vấn đề kết hợp khai khẩn đất hoang, làm ruộng với an phòng (nói theo ngôn ngữ hiện nay là kết hợp làm kinh tế với quốc phòng), v.v... Có thể phải cân nhắc khi nói đến tư tưởng lớn, mang tầm vóc về quân sự của Nguyễn Công Trứ (vì chủ yếu mang tính tình thế, theo sự điều động, cắt cử của triều đình, và cũng chủ yếu là dẹp loạn, diệt "giặc cỏ"). Nhưng rõ ràng ở đây có một kiểu tư tưởng quân sự đặc thù - tư tưởng quân sự được hình thành từ một bộ óc kẻ sĩ am hiểu và trải nghiệm thực tiễn chiến trường. Và tư tưởng quân sự này cũng đã mang đậm

tính chiến lược. Các giải pháp mang tính chiến thuật, tác chiến gắn với tư tưởng quân sự ấy của Nguyễn Công Trứ là hợp thời, hợp thế, và hoàn toàn khả thi.

Tư tưởng và tài năng quân sự của Nguyễn Công Trứ được hiện thực hóa rõ rệt bằng hệ thống những ứng xử, thực hành, hầu hết đều cho những kết quả tốt đẹp, từ việc nắm địa hình, thời cơ, thế ta, thế địch... đến kế hoạch tác chiến và việc thực hiện nó; từ việc tổ chức, biên chế, rèn luyện quân sĩ đến triển khai thực thi các trận đánh, từ việc bố phòng, phòng ngự đến tấn công, rút quân, hợp quân, v.v... Khắp mọi chiến trường, dường như ở đâu cũng thấy sự xuất hiện, trực tiếp chỉ huy của Uy Viễn tướng công. Hầu như Nguyễn Công Trứ đã ra quân là bách chiến bách thắng. Tên tuổi ông càng trở nên vang dội, nhất là trong việc dẹp loạn: dẹp các cuộc nổi dậy của Phan Bá Vành ở Nam Định (1827), của Nông Văn Vân ở Tuyên Quang (1833), của Lê Duy Phương ở Thanh Hóa (1833), giặc Khách ở Quảng Yên (1835),... Với loại kẻ thù là "giặc cỏ" nổi loạn này, Nguyễn Công Trứ là nhà quân sự có thực tài dẹp bỏ. Nhưng với loại giặc là ngoại xâm (giặc Xiêm từ phía Tây Nam, giặc nhà Thanh từ phía biển Đông - Bắc), tình thế khác hơn nhiều. Do không có được thế chủ động như ứng chiến với loại "giặc cỏ" nổi loạn, với loại giặc ngoại xâm này, Nguyễn Công Trứ gặp không ít những khó khăn trong ứng xử, và cũng khó phát huy được hết tài năng quân sự của mình... Ở đây, có thể nói như Văn Lang (Lê Văn Lan) rằng "Nhà quân sự Nguyễn Công Trứ cần được đánh giá tài năng ở tư thế và vị trí cụ thể"³...

Trên lĩnh vực kinh tế, cụ thể và đặc biệt là với việc khẩn hoang, canh nông, đã có khá nhiều ý kiến với những khảo cứu nghiêm túc, xác thực về Nguyễn Công Trứ. Xem Nguyễn Công Trứ là "nhà khẩn hoang lỗi lạc", "nhà khẩn hoang kiệt xuất"... là hoàn toàn có cơ sở. So với quân sự, ở lĩnh vực kinh tế, tư tưởng của Nguyễn Công Trứ mang tầm vóc hơn.

Ngay từ *Thái bình thập sách* (dâng lên vua Gia Long, 1803), trong 10 kế sách giúp xây dựng nước nhà thái bình, kế sách "Canh nông vi bản" (lấy nông nghiệp làm căn bản) được Nguyễn Công Trứ coi là hàng đầu. Tư tưởng kinh tế của Nguyễn Công Trứ với nhiều nội dung cụ thể về sau được ông đề cập trong nhiều bản tấu, sớ, rõ ràng được manh nha, hình thành từ *Thái bình thập sách*.

Các tấu sớ về kinh tế đều tập trung vào các nội dung khai khẩn đất hoang, quai đê lấn biển, đắp đê, đào sông, "dẫn thủy nhập điền", trị thủy,... Trong Sớ dâng tháng 3/1828, ngoài hai nội dung "lập pháp" và "minh việc thưởng,

phạt", một nội dung cơ bản quan trọng khác được Nguyễn Công Trứ nhấn mạnh là *vỡ ruộng hoang* cho dân nghèo (Vua chuẩn y và lấy Nguyễn Công Trứ lĩnh chức Dinh điền sứ); Sớ dâng tháng 5/1829 xin *đạc lại ruộng đất* Ninh Bình do trước đó *đạc không chuẩn*; Sớ dâng tháng 9/1832 xin phái lính thú đi *khai khẩn ruộng hoang* ở Quảng Yên; Sớ dâng tháng 8/1833 xin *phát chẩn* cho dân đói; Sớ dâng tháng 8/1835 xin mộ binh *khai khẩn ruộng hoang* ở Minh Liễn, Nghi Dương; Sớ dâng tháng 10/1835 xin thực thi việc *đào sông Cừu An*; Sớ dâng tháng 4/1836 cũng về việc *đào sông Cừu An* (tiếp tục); Sớ dâng tháng 12/1837 về việc *ngăn giữ nước sông*;...

Với tư tưởng "Canh nông vi bản", Nguyễn Công Trứ có sự quan tâm đặc biệt đến nông nghiệp, kéo theo đó là cả một hệ vấn đề về nông thôn và người nông dân. Từ nhận thức, tư tưởng đến quá trình hiện thực hóa nhận thức, tư tưởng ấy về nông nghiệp, nông thôn và người nông dân, có thể thấy Nguyễn Công Trứ là người hoạt động không ngừng nghỉ, có đường hướng, sách lược, quy trình thực hiện sát, đúng với yêu cầu của thực tiễn. Các công đoạn từ bao quát địa hình, thực địa nông thôn (nhất là các vùng duyên hải), vạch sách lược, sáng kiến... đến tổ chức thực hiện với các giải pháp cụ thể về từng phương diện (nhân lực, vật lực, nông cụ, cách làm, địa điểm, thời gian,...), tất cả đều được Nguyễn Công Trứ tiến hành bài bản, chuyên nghiệp. Ông rất có kinh nghiệm trong kêu gọi, chiêu mộ dân nghèo, dân ly tán, huy động quân lính trực tiếp tham gia khẩn hoang, trị thủy, đắp đê, lấn biển, kiến tạo cuộc sống mới. Với tài năng đặc biệt trong tổ chức khẩn hoang, lập ấp, Nguyễn Công Trứ đã lập nên nhiều làng ấp trù phú thời bấy giờ. Các làng ấp hình thành đòi hỏi phải có trường học, có thầy dạy, có chế độ giáo dục, khuyến răn, có phân cấp chế độ quản lý, chịu trách nhiệm; các ấp và làng đều đặt xã thương (kho thóc ở xã), có chế độ chọn người tin cẩn để giữ (Sớ dâng tháng 3/1829). Các kế sách trên về tổ chức nhiều hoạt động ở nông thôn của Nguyễn Công Trứ về cơ bản đều được hiện thực hóa. Hai huyện Kim Sơn (Ninh Bình) và Tiền Hải (Thái Bình) do ông khai sinh, tồn tại và phát triển đến ngày nay là bằng chứng hùng hồn cho những đóng góp kiệt xuất của Nguyễn Công Trứ trên lĩnh vực kinh tế, canh nông, khuyến nông, giúp dân. Có thể tìm thấy ở đây không ít những bài học quý giá cho việc tạo lập, tổ chức và quản lý nông thôn mới ngày nay...

3. Không chỉ về quân sự, kinh tế, ở các lĩnh vực khác (chính trị, lập pháp, văn hóa, giáo dục,...), Nguyễn Công Trứ cũng có quan điểm, tư tưởng riêng của mình. Trong Sớ dâng tháng 3/1828, Nguyễn Công Trứ yêu cầu phải "*Lập phép*

nghiêm"; "minh *việc thường phạt*"; "vỡ ruộng hoang cho dân nghèo" (Vua chuẩn y); Sớ dâng tháng 3/1829 đề nghị "định quy ước đặt trường học, xã thương, siêng dạy bảo, cần phòng thủ, chăm khuyến răn" (Vua giao cho đình thần bàn); Sớ dâng tháng 9/1836 tấu về việc "bổ dùng Giáo thụ, Huấn đạo trong vùng" (Vua không phê chuẩn)... Các đề xuất của Nguyễn Công Trứ đều được Vua phê chuẩn hay không phê chuẩn nhưng tất cả đều sát với tình hình thực tế, từ thực tế mà ra. Dĩ nhiên với những đề xuất được Vua phê chuẩn, ông có điều kiện để thực thi, thể hiện ứng xử của mình một cách rõ ràng hơn.

Đặc biệt, Nguyễn Công Trứ là người rất quyết liệt trong *chống cường hào, gian lận, tham nhũng* (Sớ dâng tháng 9/1828); *chống hối lộ, đút lót* (Sớ dâng tháng 4/1829); *chống thói hư lậu* của gián binh Bắc Thành (Sớ dâng tháng 11/1832); *chú ý việc tố giác* trong dân (Sớ dâng tháng tháng Giêng 1833);... Đây đang là những vấn đề nóng hổi tính thời sự của xã hội Việt Nam hôm nay. Những thông điệp ấy của Nguyễn Công Trứ giờ đây càng có ý nghĩa sâu sắc.

Với tư cách Dinh điền sứ, tháng 3 năm 1828, Nguyễn Công Trứ dâng sớ đề nghị ba việc (như đã nêu), trong đó, ở việc thứ hai ("Minh việc thường phạt"), Nguyễn Công Trứ yêu cầu: "Xin phàm các địa phương nên thải bỏ những người hèn kém đi một nửa, và cho thêm lương (những người liêm cần, làm việc năng nổ); định lệ ba năm xét một lần, ai liêm cần thì được cất nhắc, ai khinh nhờn pháp luật thì không cứ việc lớn hay nhỏ, nhiều hay ít, đều trị tội cả, khiến ai cũng biết giữ mình". *Thải loại những kẻ hèn kém* đi một nửa, và *tặng lương cho những người liêm cần, làm việc năng nổ*, đề xuất của Nguyễn Công Trứ phải nói là hết sức táo bạo. Đây đang là xu thế, là nguyên tắc, giải pháp "cứng" của cơ chế hoạt động, sử dụng nhân lực trong xã hội hiện đại, thế kỷ XXI.

Nguyễn Công Trứ dám chỉ mặt, vạch tên cụ thể bọn quan lại, đặc biệt là cường hào; lập luận, phân tích sắc sảo, phán xét đích đáng các thủ đoạn kiếm ăn bằng gian lận, dối trá và tội lỗi cần trừng phạt của chúng. Theo ông, "Cái hại quan lại là một, hai phần mười, cái hại cường hào đến tám, chín phần mười" (Sớ dâng tháng 9/1828). Không bám chắc thực tiễn, sâu sát tình hình, thiếu dũng khí và tinh thần quyết liệt trong chống quan tham lại những và nạn cường hào, dĩ nhiên không thể có những phát hiện, đề xuất và triển khai thực thi bằng các giải pháp cụ thể, kịp thời như Nguyễn Công Trứ. Tư tưởng (và kéo theo đó là hệ thống ứng xử) của Nguyễn Công Trứ (về mọi lĩnh vực) là loại tư tưởng được đúc kết, vắt ra từ thực tiễn. Không khó để nhận thấy Nguyễn Công Trứ khi đã nhập cuộc "hành đạo", ông kiên quyết chối từ kiểu tư duy

giáo điều, sách vở, “tâm chương, trích cú”, tìm giải pháp cho thực tại từ “mặc định”, vạch sẵn của người xưa (“căn bệnh” phổ biến, kéo dài do thói sùng cổ trong tư duy nhà nho)...

4. Các tư tưởng và ứng xử của Nguyễn Công Trứ về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa đều gắn kết, thống nhất với nhau, và cùng “đổ bóng”, ánh xạ sắc nét vào thơ ca ông. Có thể xem thơ ca Nguyễn Công Trứ, đặc biệt là hát nói (thơ ca trù) như một loại “văn chơi”, một kiểu diễn ngôn “hành lạc” của tác giả. Ở loại hình văn chương này (thơ ca, bao hàm cả thể phú), trừ một bài duy nhất bằng chữ Hán (*Thất thập tự thọ thi*), còn tất cả đều được Nguyễn Công Trứ viết bằng chữ Nôm⁴. Đây là một sự lựa chọn có chủ ý của ông.

Sau Nguyễn Công Trứ một thế kỷ, Tản Đà (1889-1939) từng chia văn chương làm hai loại: “văn vị đời” và “văn chơi”. Trong thực chất, Nguyễn Công Trứ xem sáng tác thơ ca của mình cũng là một loại “văn chơi”, một thứ “hành lạc” - một đối cực trong sự thống nhất của phong cách tác giả⁵. Từ phía người tiếp nhận, chúng ta có cơ sở để xem các sáng tác thơ ca của Nguyễn Công Trứ như một thứ “văn chơi”, “một phương tiện tạo phản ứng thẩm mỹ và điều hòa xung đột”⁶... Điều rất đáng nói ở đây là loại “văn chơi” này phản ánh một cách chân thực, trần trụi - chân thực và trần trụi đến mức tối đa con người và hệ thống tư tưởng cũng như hệ thống hành vi, ứng xử của Nguyễn Công Trứ ở các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa,... Tuy nhiên, có một điều đáng lấy làm lạ là trong thơ ca của ông, ít thấy xuất hiện bóng dáng ông “Dinh điền sứ” - “nhà kinh tế” khẩn hoang, “canh nông”, đắp đê, lấn biển. Bóng dáng, hình ảnh “nhà kinh tế” khẩn hoang... ấy có vẻ khuất lấp, nhưng tư tưởng của nhân vật này lại không phải không rõ, hay nói đúng hơn, nó hiện hữu ở chiều sâu và đây ẩn tượng: “Chém cha cái khó, chém cha cái khó; Khôn khéo mấy ai, xấu xa một nó” (*Hàn Nho phong vị phú*). Nguyễn Công Trứ là hiện tượng nổi trội, hiếm có (nếu không muốn nói là duy nhất) trong văn học trung đại Việt Nam dám phê phán, lên án cái nghèo, coi cái nghèo khó là xấu xa, tội lỗi. Đây chính là một trong những lý do và động lực cơ bản khiến Nguyễn Công Trứ hoạt động năng nổ, quyết liệt, ráo riết về công việc khẩn hoang, canh nông, lập làng, lập ấp; tìm cách đưa dân thoát khỏi cái nghèo khó, cơ cực...

Thơ ca Nguyễn Công Trứ cho thấy rõ hơn bao nhiêu vai/ tư cách (“Nhà quân sự”, “Nhà kinh tế”, “Nhà thơ”, “Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông”, “Lúc Bình Tây, cờ đại tướng”; “Có khi về Phủ Doãn Thừa Thiên”...) ở con người này, tất cả đều là những biểu hiện đa dạng của “một nhà” thống nhất:

Kẻ sĩ. Kẻ sĩ ấy tùy theo từng tình huống và yêu cầu cụ thể của thực tiễn đời sống mà lãnh nhiệm, dám nghĩ - dám nói - dám làm đến cùng, khi là “võ quan”, “Nho tướng”, khi là “nhà tổ chức khẩn hoang”, “Dinh điền sứ”, lúc là “ông Hy Văn tài bộ”, lúc lại là “Ông ngắt ngưỡng” ... Kẻ sĩ ấy đã từng:

*Dem quách cả sở tôn làm sở dụng,
 Trong lảng miếu ra tài lương đồng.
 Ngoài biên thủy rạch mũi can tương
 Sĩ làm cho bách thế lưu phương
 Trước là sĩ sau là khanh tướng
 Kinh luân khởi tâm thượng
 Bình giáp tàng hung trung
 Vũ trụ chi gian giai phận sự
 Nam nhi đảo thứ thị hào hùng
 Nhà nước yên mà sĩ cũng thung dung...*

Mẫu hình nhân cách kẻ sĩ với hệ tư tưởng, ứng xử và sáng tác thi ca của Nguyễn Công Trứ giúp người đọc, người tiếp nhận hiện đại thấm hiểu hơn mặt tích cực, đáng trọng trong quan niệm “Văn như kỳ nhân” của người xưa. Mặt tích cực cần tìm hiểu, khai thác từ quan niệm này đang là điều rất đáng suy ngẫm đối với giới nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay...

¹ Biện Minh Điền: *Sự thống nhất những đôi cực trong phong cách nghệ thuật Nguyễn Công Trứ*.

Nghiên cứu văn học, số 3-2009, tr.28-41.

² Đoàn Tử Huyền (Chủ biên): *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*. Nxb. Nghệ An và Trung tâm Văn hóa, Ngôn ngữ Đông Tây, Vinh, 2008...

³ Văn Lang: *Về binh nghiệp Nguyễn Công Trứ*, sách *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử* (Đoàn Tử Huyền chủ biên). Sdd, tr.686.

⁴ Lê Thuộc - Hoàng Ngọc Phách - Trương Chính (Giới thiệu, hiệu đính, chú thích): *Thơ văn Nguyễn Công Trứ*. Nxb. Văn hóa, H., 1958...

⁵ Xin xem Biện Minh Điền: *Sự thống nhất những đôi cực trong phong cách nghệ thuật Nguyễn Công Trứ*. *Nghiên cứu văn học*, số 3-2009, tr.28-41.

⁶ Văn Quang Phú: *Roaming the world and wandering at ease: Nguyen Cong Tru's poetic vision of becoming a fully developed human being*, Oregon University, 2001...